TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-PT
Ngày: 22 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*
1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1943.
2. Ông Lê Văn H1, sinh năm: 1978 (Có mặt)

Đại diện hợp pháp của bà T1: Ông Lê Văn C, sinh năm 1988 (Theo giấy ủy quyền ngày 14/11/2022, có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện U, tỉnh C .

- *Bị đơn có yêu cầu phản tố:* Ông Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1977 (Có mặt)
- *Bị đơn:*
1. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1960 (Có mặt)
2. Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm: 1995 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện U, tỉnh C .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện U, tỉnh C .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H2 là luật sư Trần Hoàng Phương, sinh năm 1953 (Có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Ngọc H3 – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ Nguyên đơn yêu cầu giải quyết như sau:* Chiều ngày 03/01/2022, ông H2 qua nhà con bà T1 chửi bới về việc 03 cây dừa, sau đó cha con ông H2 cầm gậy gỗ xông vào nhà của Lê Văn H1 và đánh Hiếu bị bể cạnh hàm. Bà T1 bị ông H2 đấm vào ngực và đá vào xương hông. Con trai bà T1 là ông Lê Văn C bị Hải dùng cây đánh vào đầu.

Gia đình có báo Công an thị trấn U M lập biên bản sự việc và mẹ con bà T1 nhập viện ở Bệnh viện U M điều trị 08 ngày. Sau khi xuất viện thì có đi Bệnh viện đa khoa C M kiểm tra và thăm khám.

Từ khi cha con ông H2 đánh mẹ con bà T1 đến nay không xin lỗi và bồi thường các chi phí nên bà yêu cầu ông Nguyễn Văn H2, Nguyễn Ngọc H3, Nguyễn Ngọc T2 bồi thường tiền thuốc và các khoản chi phí khác gồm: Tiền thuốc và ăn uống trong 08 ngày là 6.997.000 đồng, tiền mướn người nuôi bệnh là 1.600.000 đồng; Tiền xăng dầu đi đứng 2.500.000 đồng; Tiền sau khi xuất viện đi điều trị ở ngoài 5.737.000 đồng; Tiền chụp x-quang, giám định 600.000 đồng; Tiền đi tái khám và tiền thuốc là 1.999.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần và sức khỏe 20.000.000 đồng, tổng cộng các khoản là 39.433.000 đồng.

- *Nguyên đơn ông Lê Văn H1 trình bày:* Sự việc xảy ra giống như mẹ ông trình bày. Ông H3 yêu cầu ông bồi thường ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông H3. Số tiền ông yêu cầu bồi thường như bảng kê ông đã nộp cho Tòa án gồm tiền thuốc và ăn uống trong 08 ngày là 4.077.000 đồng, tiền mướn người nuôi bệnh là 1.600.000 đồng; tiền chụp x-quang, giám định và mướn xe là 1.000.000 đồng; Tiền đi tái khám và tiền thuốc là 1.500.000 đồng, tiền thuê người gặt lúa trong thời gian nằm bệnh là 1.600.000 đồng; tiền đi làm công trình là 2.400.000 đồng; tiền truyền nước biển trong những ngày xuất viện là 2.000.000 đồng; tiền thuê xe đi tới lui trong khi xuất viện vết thương chưa lành là 2.500.000 đồng, tiền mua thuốc uống tại nhà sau khi xuất viện là 3.323.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần, tổng cộng các khoản là 20.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 trình bày:* Về sự việc xảy ra như lời trình bày tại tờ tường thuật mà ông đã gửi Tòa án. Khoảng 17 giờ ngày 03/01/2022 ông và con ông là Nguyễn Ngọc H3 qua nhà ông H1, ông đứng giữa sân hỏi ông H1 "Hiếu ơi, em về đây cất nhà ở sao bốn cây dừa của ông bị chết". Lúc này ông H1 ở trong nhà chạy ra sân hô lên Chiến ơi thằng Hào qua đánh tao, bà T1 ở bên nhà của Hiếu cầm một khúc gỗ dài đánh ông hai cái lúc này ông xô bà T1 ra bà T1 lùi lại thì bà T1 té xuống trước cửa nhà Hiếu. Sau đó ông và ông H1 đánh nhau. Ông C chạy đến cầm một cây dao tự chế và một khúc gỗ đánh vào đầu con ông là Nguyễn Ngọc H3 làm Hải té xuống đất chảy máu. Sau đó Chiến bỏ về nhà thì Hiếu cầm khúc gỗ đánh vào vai và mông của Hải. Thấy vậy ông có đè Hiếu xuống đất đánh. Lúc này Nguyễn Ngọc T2 chạy qua can ông ra và đưa Hải về nhà băng bó vết thương. Sau đó Công an thị trấn U M đến lập biên bản hiện trường. Khi xô sát thì cha con ông không cầm gì trong tay trong khi phía bà T1 ông H1, ông C cầm gỗ và dao tự chế để đánh ông và con ông. Do bên Nguyên đơn dùng hung khí đánh cha con ông nên bà T1 và ông H1 yêu cầu bồi thường thiệt hại ông không đồng ý bồi thường. Tại phiên tòa ông H2 xác định yêu cầu tính các khoản bồi thường theo quy định.

- *Bị đơn ông Nguyễn Ngọc H3 trình bày:* Sự việc đánh nhau xảy ra ông thống nhất với lời trình bày của cha ông trình bày còn việc ông H1 có cầm cây đánh ông trúng vào vai còn có đánh trúng mông hay không ông không nhớ. Do bên Nguyên đơn dùng hung khí đánh cha con ông nên bà T1 và ông H1 yêu cầu bồi thường thiệt hại ông không đồng ý bồi thường. Thương tích của ông do ông Lê Văn C và Lê Văn H1 gây ra và ông phải nằm viện điều trị nên ông yêu cầu ông C và ông H1 phải bồi thường thiệt hại cho ông. Ông giữ nguyên lời trình bày đã trình bày tại biên bản hòa giải ngày 15/6/2022, ông yêu cầu ông H1 và ông C bồi thường các khoản chi phí tiền thuốc 4.375.000 đồng; tiền ăn người bệnh và người nuôi bệnh 480.000 đồng; tiền taxi đi và về là 500.000 đồng; tiền chụp city 1.637.000 đồng; tiền công lao động 1.600.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 3.000.000 đồng, tổng cộng 11.792.000 đồng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T2 trình bày:* Ông không có đánh bà T1 ông H1 mà chỉ can ngăn nên phía bà T1 ông H1 yêu cầu bồi thường ông không đồng ý bồi thường vì ông không có đánh ai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 130/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 584, 585, 590 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Văn H1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Ngọc H3, ông Nguyễn Ngọc T2 bồi thường thiệt hại.

Buộc ông Nguyễn Văn H2 bồi thường cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 7.789.998 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H2 bồi thường cho ông Lê Văn H1 số tiền 10.057.661 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc H3 về việc yêu cầu ông Lê Văn H1 và ông Lê Văn C bồi thường số tiền 11.792.000 đồng.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự được miễn theo quy định.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghiã vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/12/2022 ông Nguyễn Văn H2 kháng cáo với nội dung sửa bản án sơ thẩm (chấp nhận một phần tiền thuốc là 3.129.000 đồng. Trong đó, bà T1 là 1.501.358 đồng, của ông H1 là 1.717.661 đồng, không chấp nhận toa thuốc số tiền là 2.040.000 đồng, không chấp nhận tiền ăn của người nuôi bệnh của bà T1 và ông H1 là 1.600.000 đồng, không chấp nhận tiền tổn thất tinh thần của bà T1 là

1.490.000 đồng, không chấp nhận tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh của bà T1 là 1.600.000 đồng. Yêu cầu chấp nhận phản tố của ông Nguyễn Ngọc H3.

Ngày 07/12/2022 ông Nguyễn Ngọc H3 kháng cáo với nội dung sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H2, yêu cầu chấp nhận đơn phản tố của ông, buộc ông Lê Văn H1 và ông Lê Văn C bồi thường số tiền 11.792.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Ngọc H3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 130/2022/DS-ST, ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông H2 và ông H3 về yêu cầu đưa ông H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là bị hại và phần xem xét yêu cầu của người nuôi bệnh.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông H2 xác định phạm vi kháng cáo chỉ yêu cầu xem xét lại số tiền bồi thường cho bà T1 đúng toa vé là 1.501.358 đồng, ông H1 số tiền là 1.717.661 đồng, không chấp nhận bồi thường toa vé điều trị ngoài bệnh viện. Yêu cầu chấp nhận phản tố của ông H3, buộc ông C và ông H1 phải bồi thường các chi phí điều trị cho ông H3. Rút yêu cầu kháng cáo đối với chi phí tiền ăn và tiền công lao động của người nuôi bệnh.

Ông H3 xác định phạm vi kháng cáo buộc ông H1 và ông C bồi thường các khoản chi phí điều trị cho ông H3.

[2] Xét kháng cáo của ông H2: Ông H2 xác định toa thuốc là 2.040.000 đồng là không hợp lý, thực tế bà T1 điều trị theo toa vé của bệnh viện là 1.501.358 đồng, ngoài toa vé này bà T1 còn có phiếu chụp x-quang (BL 255) nhằm để xem xét có khởi tố vụ án hình sự không và việc chụp X Quang nhằm để phục vụ công tác điều tra nên số tiền 600.000 đồng này buộc ông H2 phải chịu. Tổng số tiền ông H2 phải bồi thường là 2.101.358 đồng.

Tại phiên tòa, phía Nguyên đơn tự nguyện đối trừ 02 toa vé không hợp lệ tổng số tiền là 373.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc ông H2 bồi thường 2.539.998 đồng, đối trừ số tiền 373.000 đồng thì cấp sơ thẩm cộng số liệu có sai số chênh lệch 65.000 đồng nên điều chỉnh lại cho phù hợp. Từ cơ sở trên chấp nhận kháng cáo của ông H2, buộc ông H2 bồi thường cho bà T1 số tiền thuốc là 2.101.998 đồng.

Đối với kháng cáo của ông H2 về số tiền thuốc của ông H1. Bản án sơ thẩm buộc ông H2 bồi thường cho ông H1 số tiền thuốc là 1.717.661 đồng là đúng thực tế, không có toa vé khác. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H2 không cung cấp được toa vé nào không hợp lệ đối với ông H1 nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của ông H2.

Xét kháng cáo không chấp nhận bồi thường tổn thất tinh thần cho bà T1 và ông H1: Ông H2 đã gây tổn hại về sức khỏe cho bà T1 và ông H1 nên cấp sơ thẩm buộc ông H2 chịu trách nhiệm bồi thường là có cơ sở.

Tại phiên tòa ông H2 rút kháng cáo đối với yêu cầu xem xét đưa anh H3 vào tham gia tố tụng với tư cách bị hại và trách nhiệm về tiền công và tiền ăn của người nuôi bệnh nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này, không đặt ra xem xét.

[3] Xét đối với kháng cáo của ông H3 về yêu cầu buộc ông H1 và ông C bồi thường chi phí điều trị cho ông: Tại phiên tòa sơ thẩm ông H3 trình bày không nhớ ông H1 có đánh ông không (BL 25). Quá trình điều tra thì ông H3 trình bày ông H1 có cầm cây dao quơ trúng vào đầu của ông (BL 144), khi thì ông C và ông H1 dùng cây đánh ông H3 (BL146), khi thì trình bày ông C có cầm dao nhưng không chém ai. Phía ông C và ông H1 không thừa nhận có đánh ông H3. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H3 cho rằng ông C và ông H1 đánh ông nhưng ông H3 không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H3. Đối với các kháng cáo liên quan đến trách nhiệm của ông H2 nhưng ông H3 kháng cáo, do ông H3 không có trách nhiệm bồi thường và tại phiên tòa ông H3 cũng khẳng định ông H3 chỉ kháng cáo buộc ông H1 và ông C bồi thường, các phần khác không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Ngọc H3 thuộc trường hợp được miễn án phí.

[6] Các Quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Văn H2 về tiền chi phí điều trị, không chấp nhận kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần; Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu xem xét chi phí tiền ăn và tiền công lao động của người nuôi bệnh. Giữ

nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 130/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Toà án nhân dân huyện U M.

Căn cứ các điều 584, 585, 590 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn H2 bồi thường cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 7.351.998 đồng, bồi thường cho ông Lê Văn H1 số tiền là 10.057.661 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc H3 về việc yêu cầu ông Lê Văn H1 và ông Lê Văn C bồi thường số tiền 11.792.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Văn H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Ngọc H3 chậm thanh toán khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án phí sơ thẩm: Các đương sự được miễn theo quy định

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Ngọc H3 được miễn.

Các Quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C M;*
- *Tòa án nhân dân h. U M;*
- *Chi cục THADS h. U M;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà